

DANH MỤC CÁC KHOẢN THU NĂM HỌC 2025-2026

a. Khoản thu theo quy định:

STT	Danh mục thu	Mức thu	Văn bản hướng dẫn
1	Bảo hiểm y tế	789.750đ/15 tháng	Công văn số 1847/UBND-BHXXH; CV số 357/BHXXH-BPT
		737.100đ/ 14 tháng	
		684.450đ/ 13 tháng	
		631.800 đ/ 12 tháng	

b. Dịch vụ hỗ trợ các hoạt động giáo dục

STT	Danh mục các khoản thu	Đơn vị tính	Văn bản hướng dẫn
1	Tổ chức bán trú		CV 6126/SGDĐT-KHTC
1.1	Tiền ăn (đã bao gồm cả chất đốt)	30.000/HS/ngày (tiền ăn 2 bữa và 1 chất đốt)	
1.2	Mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú (mua sắm vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân)	K1:360.000đ/năm; K2;3;4;5:200.000đ/năm;	
2	Chăm sóc bán trú		CV 6126/SGDĐT-KHTC
a	Hỗ trợ người nấu ăn; người chăm ăn, trông trưa; công tác quản lý)	150.000đ/tháng	
b	Quản lý học sinh ngoài giờ hành chính (đầu giờ và sau khi kết thúc buổi học khi cha mẹ học sinh có nhu cầu tối đa không quá 3 giờ/ngày)	10.000đ/HS/giờ	
3	Dạy học 2 buổi/ngày đối với học sinh tiểu học (hỗ trợ cơ sở vật chất, điện, nước)	30.000đ/tháng	CV 6126/SGDĐT-KHTC
4	Câu lạc bộ và trung tâm liên kết		CV 6126/SGDĐT-KHTC
4.1	Kỹ năng sống	50.000 đ/HS/tháng (4 tiết)	
4.2	STEM	80.000đ/HS/tháng	
4.3	TA có yếu tố người nước ngoài	150.000 đ/HS/tháng(4 tiết)	
5	Nước uống cho học sinh	10.000 đ/tháng	CV 6126/SGDĐT-KHTC
6	Trông xe	30.000đ/tháng	CV 6126/SGDĐT-KHTC

Hải An, ngày 10 tháng 09 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Phương